

QUYẾT ĐỊNH số 29/2002/QĐ-BKHCNMT
ngày 17/5/2002 về việc ban hành
Quy định về việc công nhận khả
năng kiểm định và ủy quyền kiểm
định phương tiện đo.

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10 năm 1999;

Căn cứ Điều 13 Nghị định số 06/2002/NĐ-CP ngày 14 tháng 1 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc công nhận khả năng kiểm định và ủy quyền kiểm định phương tiện đo.

Điều 2. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, các Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Thủ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

QUY ĐỊNH về việc công nhận khả
năng kiểm định và ủy quyền kiểm
định phương tiện đo

(ban hành kèm theo Quyết định số 29/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 17/5/2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

1. Quy định chung.

1.1. Về công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo:

1.1.1. Công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo là việc cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền xem xét, đánh giá năng lực kiểm định của Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (sau đây gọi chung là tổ chức) để công nhận cho tổ chức đó được kiểm định phương tiện đo.

Việc kiểm định phương tiện đo của các tổ chức nêu trên được coi là hợp pháp chỉ sau khi được công nhận khả năng kiểm định.

1.1.2. Việc xem xét, đánh giá để công nhận khả năng kiểm định phải căn cứ theo các điều kiện sau đây:

a) Có đủ chuẩn và phương tiện kiểm định, bảo đảm nhiệt độ, áp suất, độ ẩm của phòng thí nghiệm theo yêu cầu quy định, tiện nghi và mặt bằng làm việc cần thiết cho việc kiểm định theo yêu cầu của quy trình kiểm định hiện hành;

b) Chuẩn và phương tiện đo dùng để kiểm định phải được kiểm định, hiệu chuẩn;

c) Có kiểm định viên đo lường phù hợp được chứng nhận và cấp thẻ kiểm định viên.

1.2. Về ủy quyền kiểm định phương tiện đo:

1.2.1. Ủy quyền kiểm định phương tiện đo là việc cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có

thẩm quyền xem xét, đánh giá năng lực kiểm định của các cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là tổ chức) không thuộc đối tượng nêu tại mục 1.1.1 để ủy quyền cho tổ chức đó được kiểm định phương tiện đo.

1.2.2. Việc xem xét để ủy quyền kiểm định được căn cứ vào nhu cầu thực tế kiểm định phương tiện đo của ngành, địa phương, cơ sở và của người sử dụng, và khả năng kiểm định của cơ quan được công nhận khả năng kiểm định.

1.2.3. Tổ chức đề nghị được ủy quyền kiểm định phải có đủ các điều kiện quy định ở mục 1.1.2 và có tư cách pháp nhân, cơ cấu tổ chức, nề nếp quản lý và hoạt động ổn định, đảm bảo tính vô tư, khách quan trong kiểm định.

1.3. Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (sau đây gọi tắt là Tổng cục) là cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền công nhận khả năng kiểm định và ủy quyền kiểm định nhà nước.

2. Thủ tục công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo.

2.1. Công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo:

2.1.1. Tổ chức đề nghị công nhận khả năng kiểm định lập hồ sơ đề nghị gửi Tổng cục.

Hồ sơ gồm có:

- a) Đơn đề nghị;
- b) Báo cáo khả năng kiểm định.

2.1.2. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị công nhận khả năng kiểm định:

a) Nếu hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn 5 ngày làm việc, Tổng cục thông báo cho tổ chức đề nghị công nhận những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh;

b) Khi hồ sơ đã đúng quy định, trong thời hạn 1 tháng, Tổng cục tổ chức việc xem xét, đánh giá

tại chỗ theo nội dung quy định tại mục 4 của Quy định này.

2.1.3. Căn cứ vào kết quả đánh giá tại chỗ, Tổng cục xem xét, quyết định việc công nhận.

Quyết định công nhận khả năng kiểm định phải nêu rõ phạm vi được công nhận bao gồm: tên gọi, phạm vi đo, cấp/độ chính xác và chế độ kiểm định đối với phương tiện đo.

Thời hạn hiệu lực của Quyết định công nhận khả năng kiểm định là 5 năm.

2.2. Công nhận lại khả năng kiểm định phương tiện đo.

Hai tháng trước khi quyết định công nhận khả năng kiểm định hết thời hạn hiệu lực, tổ chức được công nhận khả năng kiểm định phải lập hồ sơ công nhận lại gửi về Tổng cục.

Hồ sơ gồm có:

- a) Đơn đề nghị;
- b) Báo cáo hoạt động kiểm định trong thời gian được công nhận;
- c) Các biên bản kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian được công nhận (nếu có).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Tổng cục xem xét hồ sơ, quyết định việc công nhận lại.

Trong trường hợp hồ sơ chưa có đủ căn cứ để quyết định việc công nhận lại, Tổng cục tổ chức xem xét, đánh giá tại chỗ theo quy định tại mục 4 của Quy định này.

2.3. Mở rộng khả năng kiểm định phương tiện đo.

Khi có nhu cầu mở rộng khả năng kiểm định đối với phương tiện đo mới hoặc đối với các phạm vi kiểm định đã được công nhận, tổ chức được công nhận khả năng kiểm định lập hồ sơ đề nghị với Tổng cục.

Thủ tục xem xét, đánh giá và quyết định việc mở rộng khả năng kiểm định được thực hiện như đối với việc công nhận khả năng kiểm định.

3. Thủ tục ủy quyền kiểm định phương tiện đo.

3.1. Ủy quyền kiểm định phương tiện đo.

3.1.1. Tổ chức đề nghị được ủy quyền kiểm định lập hồ sơ gửi Tổng cục và Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng địa phương sở tại (sau đây gọi tắt là Chi cục).

Hồ sơ gồm có:

- a) Đơn đề nghị;
- b) Báo cáo khả năng kiểm định;
- c) Bản sao văn bản về tư cách pháp nhân của tổ chức.

3.1.2. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ:

a) Nếu hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn 5 ngày, Chi cục thông báo, hướng dẫn cho tổ chức đề nghị ủy quyền kiểm định những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh;

b) Khi hồ sơ đã đúng quy định, chậm nhất là 10 ngày làm việc, Chi cục phải có ý kiến về việc đề nghị ủy quyền kiểm định và gửi ý kiến đề nghị về Tổng cục.

3.1.3. Xem xét, quyết định:

a) Trên cơ sở hồ sơ của tổ chức đề nghị ủy quyền và tham khảo ý kiến của Chi cục, trong thời hạn 1 tháng, Tổng cục tổ chức việc xem xét, đánh giá tại chỗ theo nội dung quy định tại mục 4 của Quy định này.

b) Căn cứ vào kết quả đánh giá tại chỗ, Tổng cục xem xét, quyết định việc ủy quyền kiểm định.

Quyết định ủy quyền kiểm định phải nêu rõ phạm vi được ủy quyền bao gồm: tên gọi, phạm vi đo, cấp/độ chính xác và chế độ kiểm định đối với phương tiện đo.

Thời hạn hiệu lực của quyết định ủy quyền kiểm định là 3 năm.

3.2. Gia hạn ủy quyền kiểm định phương tiện đo.

Hai tháng trước khi quyết định ủy quyền kiểm định hết thời hạn hiệu lực, nếu tổ chức muốn được ủy quyền tiếp tục thì phải lập hồ sơ đề nghị gia hạn ủy quyền kiểm định gửi về Tổng cục.

Hồ sơ gia hạn gồm có:

- a) Đơn đề nghị;
- b) Báo cáo hoạt động kiểm định trong thời gian được ủy quyền;
- c) Các biên bản kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn ủy quyền (nếu có).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Tổng cục xem xét hồ sơ, quyết định việc gia hạn.

Trong trường hợp hồ sơ chưa có đủ căn cứ để quyết định việc gia hạn, Tổng cục tổ chức đánh giá tại chỗ theo quy định tại mục 4 của Quy định này.

3.3. Mở rộng ủy quyền kiểm định phương tiện đo.

Khi khả năng kiểm định được tăng cường, tổ chức được ủy quyền có thể lập hồ sơ đề nghị mở rộng ủy quyền kiểm định đối với các phương tiện đo mới hoặc đối với các phạm vi kiểm định đã được ủy quyền.

Thủ tục xem xét, đánh giá và quyết định việc mở rộng ủy quyền kiểm định thực hiện như đối với việc đề nghị ủy quyền kiểm định.

4. Xem xét, đánh giá tại chỗ.

4.1. Việc xem xét, đánh giá tại chỗ tiến hành theo các nội dung sau:

- a) Xem xét sự phù hợp của chuẩn, phương tiện kiểm định, nhiệt độ, áp suất, độ ẩm của phòng thí

nghiệm theo yêu cầu quy định, tiện nghi và mặt bằng làm việc so với yêu cầu quy định của quy trình kiểm định;

b) Xem xét sự phù hợp của kiểm định viên đo lường đã được chứng nhận so với yêu cầu của phạm vi đề nghị công nhận hoặc ủy quyền kiểm định;

c) Xem xét cơ cấu tổ chức, nề nếp quản lý và hoạt động của tổ chức đề nghị công nhận hoặc ủy quyền kiểm định nhằm đảm bảo tính khách quan, vô tư, khoa học trong việc kiểm định (người phụ trách trực tiếp việc kiểm định; sự phân định trách nhiệm; hệ thống hồ sơ, sổ sách, tài liệu...).

4.2. Nội dung báo cáo đánh giá tại chỗ bao gồm:

a) Sự phù hợp của chuẩn, phương tiện kiểm định, nhiệt độ, áp suất, độ ẩm của phòng thí nghiệm theo yêu cầu quy định, tiện nghi và mặt bằng làm việc, kiểm định viên, cơ cấu tổ chức, nề nếp quản lý và hoạt động so với yêu cầu đã quy định đối với việc kiểm định các phương tiện đo đề nghị công nhận hoặc ủy quyền;

b) Những vấn đề chưa phù hợp cần khắc phục, bổ sung, hoàn thiện;

c) Danh mục phương tiện đo đề nghị công nhận hoặc ủy quyền kiểm định (nêu rõ tên gọi, phạm vi đo, cấp/độ chính xác và chế độ kiểm định tương ứng).

5. Đình chỉ hiệu lực công nhận khả năng kiểm định và ủy quyền kiểm định phương tiện đo.

5.1. Tổ chức được công nhận khả năng kiểm định hoặc tổ chức được ủy quyền kiểm định (sau đây gọi chung là tổ chức kiểm định) khi không còn duy trì được các điều kiện đảm bảo cho hoạt động kiểm định đã được công nhận (mục 1.1.2) hoặc ủy quyền (mục 1.2.3), Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng ra quyết định đình chỉ hiệu lực từng phần hoặc toàn bộ việc kiểm định.

5.2. Khi có quyết định đình chỉ từng phần hoặc toàn bộ việc kiểm định, tổ chức kiểm định phải ngừng việc kiểm định nêu trong quyết định và thực hiện việc khắc phục các điều kiện đảm bảo theo quy định. Sau khi hoàn thành việc khắc phục, tổ chức kiểm định báo cáo Tổng cục xem xét, quyết định đối với việc kiểm định đã bị đình chỉ.

6. Dấu kiểm định, tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện đo.

Việc sử dụng, quản lý dấu kiểm định, tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định của tổ chức kiểm định phải theo đúng quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2001/QĐ-BKHCMNT ngày 13/11/2001 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

7. Trách nhiệm của tổ chức kiểm định phương tiện đo.

7.1. Duy trì các điều kiện đảm bảo cho hoạt động kiểm định đã được công nhận hoặc ủy quyền;

7.2. Tiến hành kiểm định phương tiện đo trong phạm vi được công nhận hoặc ủy quyền theo đúng quy trình kiểm định hiện hành, đáp ứng yêu cầu của các cơ sở đăng ký kiểm định phương tiện đo;

7.3. Lưu giữ đầy đủ hồ sơ kiểm định;

7.4. Báo cáo hoạt động kiểm định với Tổng cục và Chi cục sở tại (đối với tổ chức được ủy quyền kiểm định) mỗi năm 1 lần trước ngày 15 tháng 12;

7.5. Chấp hành sự kiểm tra và thanh tra về đo lường theo quy định.

8. Kiểm tra, thanh tra tổ chức kiểm định phương tiện đo.

8.1. Cơ quan quản lý nhà nước về đo lường các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện kiểm tra sự tuân thủ các quy định trong hoạt động kiểm định của các tổ chức kiểm định.

8.2. Việc thanh tra hoạt động kiểm định của tổ chức kiểm định thực hiện theo quy định thanh tra chuyên ngành về đo lường./.

KT. Bộ trưởng
Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
Thứ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN**

**QUYẾT ĐỊNH số 35/2002/QĐ-BNNPTNT-
TCCB ngày 10/5/2002 về việc phân
cấp cho các trường đại học quyền
quyết định và chịu trách nhiệm
trong việc quản lý xuất cảnh.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 05/2000/NĐ-CP ngày 03/3/2000 của Chính phủ về việc phân cấp cho các trường đại học quyền quyết định và chịu trách nhiệm trong việc quản lý xuất cảnh;

Căn cứ Công văn số 1679/CVCP-QHQT ngày 01/4/2002 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý việc các Bộ ủy quyền cho Hiệu trưởng trường đại học quyết định hoặc cho phép cán bộ thuộc quyền quản lý ra nước ngoài theo Nghị định số 05/2000/NĐ-CP ngày 03/3/2000 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phân cấp cho Trường Đại học Thủy lợi và Trường Đại học Lâm nghiệp quyền quyết định xuất cảnh để giải quyết việc công và việc riêng cho người thuộc biên chế chính thức và người lao động dài hạn như sau:

- Bộ trưởng quyết định việc xuất cảnh cho Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Giám đốc Trung tâm trực thuộc Trường, Trưởng khoa, Trưởng phòng, Trưởng bộ môn, Trưởng phòng thí nghiệm, Giám đốc công ty trực thuộc Trường, giáo sư, giảng viên cao cấp, người đi học sau đại học, người đi nhận học hàm, học vị và các danh hiệu khác do nước ngoài phong tặng, người đi làm chuyên gia hoặc cộng tác viên tại nước ngoài và người được cử đi theo đoàn cao cấp của Đảng và Nhà nước.

- Hiệu trưởng quyết định xuất cảnh cho tất cả những người của trường không thuộc đối tượng trên.

Điều 2. Hiệu trưởng Trường đại học phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải thực hiện đúng các quy định hiện hành của Chính phủ và của Bộ về quản lý nhân sự, quản lý hộ chiếu và hiệu quả khi quyết định xuất cảnh.

Điều 3. Quản lý thực hiện:

- Các đơn vị gửi ngay quyết định xuất cảnh và gửi báo cáo sơ kết 6 tháng, báo cáo tổng kết hàng năm về Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ Hợp tác quốc tế.

- Giao Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ hợp tác quốc tế hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra theo chức năng của đơn vị mình và tập hợp báo cáo việc xuất cảnh ở các đơn vị được phân cấp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức